

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HC-ST

Ngày: 09/11/2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang

Ông Nguyễn Văn Ton

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HC ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2018/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Võ Trường T, sinh năm 1973; (có mặt)

Nơi cư trú: 134/4 ấp T, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*** *Người bị kiện:*** Giám đốc Văn phòng Đ;

Địa chỉ: Số 03 đường A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí K - Phó Giám đốc phụ trách Văn phòng Đ. (có mặt)

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: ấp Bình Thạnh B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Dương Thị Như Th, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: khu phố M, thị trấn T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Lê Thị Kiều V, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: ấp An H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Mai Thị Thu T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Ông Nh, bà Th, bà V, bà T và bà Thu T ủy quyền cho ông Võ Trường T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 08/10/2018).

6. Bà Huỳnh Quốc Bảo C, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Nơi cư trú: C3 phường H, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa người khởi kiện ông Võ Trường T trình bày:

Ngày 10/10/2017, ông Đào Anh L và bà Châu Thị Ngọc P chuyển nhượng cho ông các phần đất thửa 1389, 1390, 1391, 1393, 1395, 1408, 1409, 1410, 1411, 1412, 1413, 1414, cùng thuộc tờ bản đồ số 03, tổng diện tích 1.914,4m² tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (các phần đất này được tách ra từ thửa số 08 tờ bản đồ số 03, diện tích 3.784,1m²). Ngày 24/10/2017, ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Sau khi được cấp quyền sử dụng đất, ông chuyển nhượng các thửa đất nêu trên cho người khác, cụ thể như sau: ngày 01/02/2018, ông chuyển nhượng thửa 1395 tờ bản đồ số 03 diện tích 98,3m² cho ông Phạm Văn Nh; ngày 05/02/2018, ông chuyển nhượng thửa 1412 tờ bản đồ số 03 diện tích 78,8m² cho bà Dương Thị Như Th; ngày 05/4/2018, ông chuyển nhượng thửa 1411 tờ bản đồ số 03 diện tích 78,9m² cho bà Nguyễn Thị T; ngày 07/4/2018, ông chuyển nhượng thửa 1414 tờ bản đồ số 03 diện tích 78,9m² cho bà Lê Thị Kiều V; ngày 19/6/2018, ông chuyển nhượng thửa 1410 tờ bản đồ số 03 diện tích 117,6m² cho bà Mai Thị Thu T. Việc chuyển nhượng các thửa đất nêu trên đều được lập thành văn bản và công chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi các bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông nộp hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nh, bà Th, bà T, bà V và bà Thu T tại Văn phòng Đ. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng thì Văn phòng Đ ban hành các thông báo cho ông Nh, bà Th, bà T, bà V và bà Thu T với nội dung: Văn phòng Đ chưa thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên vì Văn phòng Đ nhận được đơn yêu cầu ngăn chặn của bà Huỳnh Quốc Bảo C và căn cứ kết quả hòa giải không thành về việc tranh chấp ranh đất giữa bà C và ông T tại biên bản hòa giải ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B. Không đồng ý với các thông báo nêu trên, ông gửi đơn khiếu nại đến Giám đốc Văn phòng Đ. Đến ngày 24/8/2018, ông nhận được Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG của Giám đốc Văn phòng Đ với nội dung hồ sơ đăng ký của ông đang tranh chấp và hòa giải không thành nên Văn phòng Đ đề nghị ông gửi đơn đến Tòa án để được giải quyết.

Nhận thấy Văn phòng Đ ngừng thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông vì ông phải bồi thường tiền cho bên nhận chuyển nhượng đất. Mặc khác, đến nay bà C cũng chưa có đơn tranh chấp với ông đối với các phần đất nêu trên tại Tòa án có thẩm quyền nên đây không được xem là đất có tranh chấp. Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre hủy Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ.

Theo văn bản ý kiến, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Chí K là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện trình bày:

Ngày 09/11/2017, Văn phòng Đ có tiếp nhận Đơn đề nghị của bà Huỳnh Quốc Bảo C tạm ngưng việc chuyển quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 1389, 1390, ..., 1415, 1416, cùng thuộc tờ bản đồ số 03, tại phường P, thành phố B tỉnh Bến Tre do ông Võ Trường T đứng tên, với lý do: bà C đã gửi đơn khiếu nại cho Ủy ban nhân dân phường P về việc khiếu nại thửa đất liền kề, ông T tự ý phá trụ mốc ranh đất, xây nhà lấn qua phần đất của bà C và tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Qua kiểm tra hồ sơ, Văn phòng Đ nhận thấy bà C có gửi đơn khiếu nại cho Ủy ban nhân dân phường P. Ngày 12/12/2017 và ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân phường P đã tiến hành hòa giải tranh chấp ranh đất giữa bà C và ông T nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ngày 04/5/2018, Văn phòng Đ có buổi tiếp xúc với ông T và ngày 11/5/2018, Văn phòng đăng ký đất đai có buổi tiếp xúc với bà C, với nội dung: Văn phòng đăng ký đất đai sẽ hỗ trợ đo đạc để phục hồi 3 điểm ranh giới, mốc giới thửa đất, phần giáp ranh giữa bà C và ông T nhằm giúp hai bên xem xét ranh đất có bị thay đổi hay không để có cơ sở sớm giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T.

Ngày 29/5/2018, Đoàn đo đạc đã đến thực địa. Tuy nhiên, khi đoàn đo đạc đến thực địa thì bà C và ông T không thống nhất phục hồi nên đoàn đo đạc không thể đo đạc được.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông T, Văn phòng Đ có gửi công văn đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre và tỉnh Bến Tre nội dung có thụ lý hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà C và ông T không? Tháng 3/2018, Văn phòng đăng ký đất đai nhận được Công văn số 134/TA ngày 23/3/2018 phúc đáp của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre với nội dung Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre chưa tiếp nhận thụ lý hồ sơ khởi kiện của bà C đối với ông T.

Ngày 29/3/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 713/STNMT-VPĐK ngày 29/3/2018 xin ý kiến giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất liên quan đến tranh chấp ranh đất giữa ông T và bà Bảo C, nhưng đến nay vẫn chưa nhận

được văn bản phúc đáp từ Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Tổng cục quản lý đất đai.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013, xét thấy do hồ sơ đăng ký đất đai của ông T đang tranh chấp và hòa giải không thành nên Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ trả lại hồ sơ đăng ký đất đai cho ông T là đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Nh, bà Dương Thị Như Th, bà Lê Thị Kiều V, bà Nguyễn Thị T và bà Mai Thị Thu T trình bày:

Ông bà có nhận chuyển nhượng đất của ông T, tuy nhiên đến nay ông bà vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà thống nhất với đơn khởi kiện của ông T, ông bà đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Quốc Bảo C trình bày:

Bà được cấp quyền sử dụng đất thửa 366 và thửa 07 cùng tờ bản đồ số 3 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Phần đất này giáp ranh với các thửa đất mà ông T chuyển nhượng cho ông Nh, bà Th, bà T, bà V và bà Thu T. Trong quá trình sử dụng đất, giữa bà và ông T có xảy ra tranh chấp ranh đất, cụ thể như sau:

- Ngày 18/10/2017, ông T nhờ các trụ hàng rào bên phần đất của bà và tiến hành xây dựng nhà trên đất, vi phạm thỏa thuận ranh mà ông T đã ký vào ngày 06/9/2017;

- Tháng 12/2017, bà nộp đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T tại Ủy ban nhân dân phường P nhưng kết quả hòa giải không thành.

- Ngày 29/5/2018, Văn phòng Đ đến thực địa để đo đạc nhưng phía ông T không chấp nhận 03 điểm mốc trước đó nên việc đo đạc không thành;

Từ ngày hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường P cho đến nay, bà chưa nộp đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T tại cơ quan có thẩm quyền. Nay ông T yêu cầu hủy Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ bà không có ý kiến gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hồ sơ đăng ký chuyển nhượng đất đai của ông T không tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng, với lý do đất đang tranh chấp về ranh đất và được Ủy ban nhân dân phường hòa giải không thành. Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “người sử dụng đất được thực hiện các

quyền chuyển đổi, chuyển nhượng ...quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau:...b) đất không có tranh chấp”. Do vậy, ngày 24/8/2018, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai có Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG trả lời đơn của ông T với nội dung đất ông T và đất bà C còn tranh chấp chưa giải quyết nên không đủ điều kiện để thực hiện quyền chuyển nhượng đất theo quy định của Luật Đất đai. Từ những cơ sở trên, việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ là không có căn cứ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trường T và hủy Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Văn phòng Đ là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai được quy định tại Điều 22 Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Không đồng ý với văn bản nêu trên, ông T khởi kiện và yêu cầu hủy văn bản này. Căn cứ các điều 30, 32 của Luật tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/8/2018, Giám đốc Văn phòng Đ ban hành Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG, đến ngày 29/8/2018, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của ông T. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện của ông T toàn đối với văn bản này vẫn còn.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Quốc Bảo C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt đối với bà C.

[4] Tính hợp pháp của Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ:

Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 06/02/2018, Văn phòng Đ ban hành Thông báo số 184/VPĐK-TĐCG nội dung ngưng thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Phạm Văn Nh (BL 65). Tháng 5,6 năm 2018, Văn phòng Đ ban hành các thông báo đối với bà Th, bà T, bà V, bà Thu T với nội dung tương tự thông báo của ông Nh. Không đồng ý với nội dung các thông báo trên, ngày 13/02/2018 và ngày 30/7/2018, ông T có đơn khiếu nại gửi Văn phòng Đ. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T, Văn phòng đăng ký đất đai có buổi tiếp xúc, làm việc với ông T và bà C, hỗ trợ đo đạc cho bà C ông T để các bên thỏa thuận thống nhất ranh đất. Tuy nhiên, khi đoàn đo đạc đến thực địa thì ông T bà C không thống

nhất phục hồi ranh nên không tiến hành đo đạc được. Căn cứ Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, các điều 27, 28, 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011, Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 được ban hành đúng trình tự, thủ tục.

Về thẩm quyền: Khoản 1 Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có tư cách pháp nhân, có trụ sở và con dấu riêng, có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất. Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011 quy định: “Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ công chức do mình quản lý trực tiếp”. Đối chiếu với các quy định trên, Giám đốc Văn phòng Đ ban hành Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 là đúng thẩm quyền.

Về hình thức: Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, trong đó có quy định về mẫu quyết định giải quyết khiếu nại (mẫu 15,16). Đối chiếu với quy định này, Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 được ban hành không đúng hình thức.

Về nội dung: Ngày 09/11/2017, Văn phòng Đ có tiếp nhận đơn đề nghị của bà Huỳnh Quốc Bảo C tạm ngưng việc chuyển quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 1389, 1390, ...1415, 1416, cùng thuộc tờ bản đồ số 03, tại phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Võ Trường T đứng tên quyền sử dụng đất, với lý do: bà C đã gửi đơn khiếu nại cho Ủy ban nhân dân phường P về việc khiếu nại thửa đất liền kề, ông T tự ý phá trụ mốc ranh đất, xây nhà lấn quan phần đất của bà C và tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác.

Qua kiểm tra hồ sơ, Văn phòng đăng ký đất đai nhận thấy bà C có gửi đơn khiếu nại cho Ủy ban nhân dân phường P. Ngày 12/12/2017 và ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân phường P đã tiến hành hòa giải tranh chấp ranh đất giữa bà C và ông T nhưng kết quả hòa giải không thành.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông T, Văn phòng đăng ký đất đai có gửi công văn đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre hỏi xem có thụ lý hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà C và ông T không? Ngày 23/3/2018, Văn phòng Đ nhận được Công văn số 134/TA phúc đáp của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre với nội dung Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre chưa tiếp nhận thụ lý hồ sơ khởi kiện của bà C đối với ông T.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2018 bà Huỳnh Quốc Bảo C cho rằng tháng 12/2017, bà có nộp đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T tại Ủy ban nhân dân phường P nhưng kết quả hòa giải không thành. Từ ngày hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường P cho đến nay, bà chưa nộp đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T tại cơ quan có thẩm quyền. Nay ông T yêu cầu hủy văn bản số

1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ, bà không có ý kiến gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Văn phòng Đ cho rằng do giữa ông T và bà C đang có tranh chấp đất, nên không thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và những người có liên quan được. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xác định ranh giới thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất thì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần phải có cán bộ đo đạc và phải có văn bản ký giáp ranh giữa các hộ gia đình xung quanh về việc không lấn chiếm đất, sử dụng đúng ranh giới đất đai. Điều 188 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện để thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đất không có tranh chấp. Khoản 24 Điều 3 Luật đất đai 2013 quy định tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai. Điều 203 Luật đất đai 2013 quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, theo đó tranh chấp đất đai mà các bên đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật dân sự về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối chiếu với quy định trên, xét thấy giữa ông T và bà C đã ký bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, đồng thời bà C khẳng định cho đến thời điểm hiện tại bà C chưa nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, việc Văn phòng Đ ngưng thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông T đối với các thửa đất 1395, 1410, 1411, 1412, 1414 cùng thuộc tờ bản đồ số 03, tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Từ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc Giám đốc Văn phòng Đ ban hành Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền nhưng không đúng về mặt hình thức, nội dung theo quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy ông T yêu cầu hủy Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, Giám đốc Văn phòng Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các điều 22, 188 Luật đất đai 2013; Khoản 1 Điều 5, Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các điều 19, 27, 28, 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trường T: Hủy Văn bản số 1029/VPĐK-TĐCG ngày 24/8/2018 của Giám đốc Văn phòng Đ.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Giám đốc Văn phòng Đ phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Võ Trường T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008126 ngày 17/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (3b);
- Phòng KTNV và THA(1b);
- Lưu VP, HSVA (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Thanh Thúy